



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

HUỲNH THỊ NHUNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU
NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ KHU
VỰC PHƯỚC SƠN – NAM GIANG**

NGUYỄN THỊ NHƯ Ý

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ KẾ TOÁN

Mã số: 8340301

Đà Nẵng – Năm 2024

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Công Phương

Phản biện 1: TS. Nguyễn Thị Xuân Trang

Phản biện 2: TS. Võ Văn Cường

Đề án tốt nghiệp đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán học tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 9 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

– Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

MỞ ĐẦU

1. Bối cảnh ra đời của đề án

Sự phục hồi từng bước của nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 đi kèm với đó là những chính sách tài khóa – tiền tệ được Chính phủ gấp rút triển khai như Nghị quyết giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT), gia hạn nộp thuế đang là áp lực lớn đối với công tác thu Ngân sách Nhà nước của ngành Thuế nói riêng và ngành Tài chính nói chung. Trong các sắc thuế, thuế TNDN cũng bị ảnh hưởng vì đây là một trong những nguồn thu lớn trong các khoản thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước

Ngành thuế đang thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế theo chủ trương của Chính phủ đến năm 2030. Theo đó, công tác quản lý thuế cần minh bạch, chuyên nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí cho người dân. Công tác quản lý thuế phải đáp ứng đủ về thể chế đồng bộ, hiện đại và hội nhập; nguồn nhân lực chuyên nghiệp và liêm chính; công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp và đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh kinh tế số.

Tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang, bên cạnh việc chịu tác động của các chính sách tài khóa- tiền tệ về hỗ trợ thuế TNDN, ảnh hưởng của nền kinh tế, qua công tác quản lý thuế TNDN trong những năm gần đây đã phát hiện nhiều hạn chế do bất cập về chính sách thuế TNDN, quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn của cán bộ thuế. Thêm vào đó, các hành vi gian lận thuế TNDN, né thuế, tránh thuế, cố ý sai phạm để giảm số thuế TNDN phải nộp của

các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế diễn ra ngày càng tinh vi và thường xuyên hơn. Song song với những kết quả đạt được thì trong từng công tác cũng có những hạn chế như hạn chế trong công tác lập dự toán thu thuế; công tác kê khai thuế, miễn giảm thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế... Do đó, để công tác quản lý thuế TNDN hiệu quả, phấn đấu theo chiến lược cải cách chung của ngành Thuế, đòi hỏi cán bộ thuế cần đưa ra những giải pháp xuất phát từ những hạn chế và tồn tại trong công tác quản lý thuế.

Xuất phát từ những thực tế nêu trên, tác giả lựa chọn đề án “Hoàn thiện công tác quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang”. Đề án phù hợp với chuyên ngành đào tạo và có ý nghĩa khoa học, thực tiễn đối với Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang nói riêng.

2. Mục tiêu, phạm vi của đề án

(i) Mục tiêu

- Trình bày thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang.

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang.

- Đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang.

(ii) Đối tượng và phạm vi của đề án

- *Phạm vi về nội dung:* Những vấn đề về chính sách thuế TNDN, công tác quản lý thuế TNDN được thực hiện tại các Cơ quan Thuế.

- *Phạm vi về không gian:* Tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang; doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được gọi chung là người nộp thuế (NNT) trên địa bàn huyện Nam Giang, Phước Sơn

tỉnh Quảng Nam do Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang quản lý.

- Phạm vi về thời gian: Năm 2023.

3. Tầm quan trọng và tác động của đề án

Đề án có tầm quan trọng và tác động đến công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang. Đề án chỉ ra những thực trạng còn tồn tại trong công tác quản lý thuế TNDN, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện nhằm đem lại hiệu quả trong công tác quản lý thuế TNDN, chống thất thu thuế trên địa bàn.

Đề án có tác động đối với ngành Thuế trong việc thực hiện chức năng quản lý thuế TNDN của mình, thực hiện công tác chống thất thu thuế, thu đúng, thu đủ vào ngân sách Nhà nước. Nghiên cứu của đề án góp phần trong chiến lược cải cách hệ thống ngành Thuế đến năm 2030 của Chính phủ.

4. Kết cấu của đề án

Kết cấu của đề án gồm có 02 chương:

Chương 1: Báo cáo tình hình thực tế công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang.

Chương 2: Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang.

CHƯƠNG 1:
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC TẾ CÔNG TÁC QUẢN LÝ
THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC PHƯỚC SƠN –
NAM GIANG

1.1. Giới thiệu về Chi cục thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang

1.1.1. Thông tin chung

Chi cục thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang trực thuộc Cục thuế tỉnh Quảng Nam. Chi cục thuế được sáp nhập từ Chi cục thuế huyện Nam Giang và Chi cục thuế huyện Phước Sơn từ tháng 3/2020 theo Quyết định số 2804/QĐ-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hợp nhất Chi cục thuế trực thuộc Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

Chi cục thuế thực hiện theo tuyên ngôn, sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị của ngành Thuế được quy định tại quyết định số 1766/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế.

1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Chi cục thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được thực hiện theo quyết định số 110/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

1.1.3. Tổ chức hoạt động của Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang

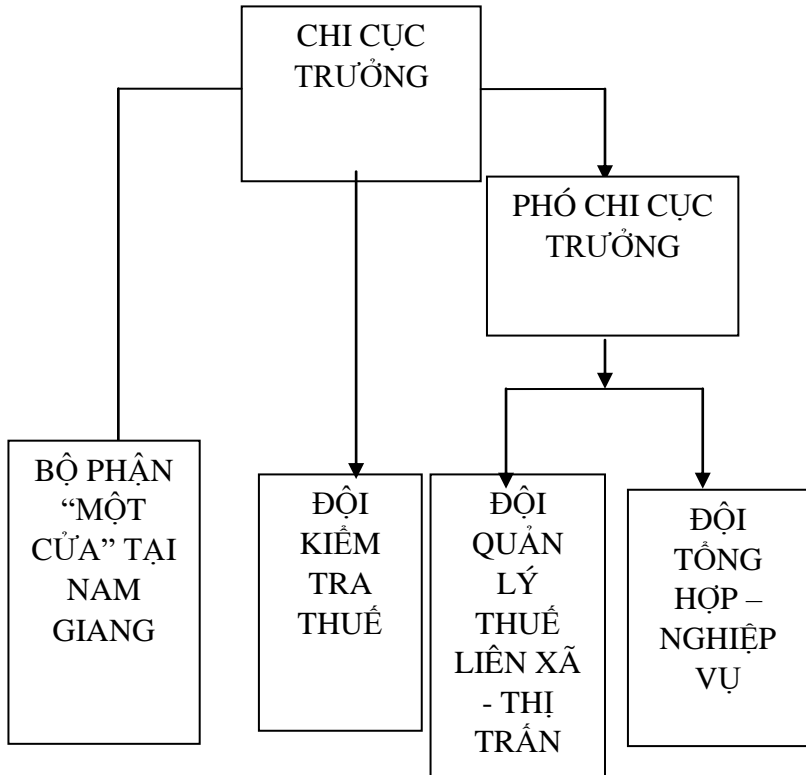
(i) Đặc điểm tổ chức hoạt động

Chi cục thuế khu vực có 3 đội thuế và Bộ phận “Một cửa” tại Nam Giang:

- Đội Kiểm tra thuế (bao gồm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ).
- Đội Quản lý thuế liên xã - thị trấn.

- Đội Tổng hợp – Nghiệp vụ.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của Chi cục thuế như hình sau:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ bộ máy Chi cục thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang

Chức năng của các đội thuế được thực hiện theo quyết định 245/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế.

(ii) Đặc điểm tổ chức quản lý

Chi cục thuế có hai phân cấp quản lý gồm quản lý cấp chi cục và quản lý cấp đội. Quản lý cấp Chi cục bao gồm một Chi cục

trưởng và một Phó Chi cục trưởng. Quản lý cấp đội bao gồm ba đội trưởng và hai phó đội trưởng.

1.2. Thực tế công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang

1.2.1. Thực trạng công tác quản lý thuế TNDN

Công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang theo bố cục của đề án này được trình bày theo ba giai đoạn, bao gồm:

- Giai đoạn trước khi thu thuế TNDN: công tác lập dự toán số thu thuế TNDN
- Giai đoạn thu thuế TNDN: đăng ký thuế, miễn giảm thuế, kê khai nộp hồ sơ khai thuế, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế
- Giai đoạn kiểm tra sau khi thực hiện thu thuế TNDN: công tác kiểm tra thuế, xử phạt vi phạm hành chính về thuế TNDN.

1.2.1.1. Công tác lập dự toán thuế TNDN

1.2.1.2. Công tác thu thuế TNDN

1.2.1.3 Kiểm tra thuế, xử lý vi phạm hành chính về thuế TNDN

1.2.2. Hạn chế trong công tác quản lý thuế TNDN

1.2.2.1. Hạn chế trong công tác lập dự toán thu thuế TNDN

Công tác lập dự toán chưa bám sát vào thực tế nguồn thu, dự toán thấp so với thực tế, không phản ánh đúng tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương cũng như phương châm ngành Thuế là thu đủ, thu kịp thời nguồn thu.

Công tác lập dự toán cũng chưa khai thác triệt để nguồn thu, bỏ sót nguồn thu, chưa phản ánh đúng tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Ngoài ra, khi đi sâu chi tiết vào từng đối tượng nộp thuế TNDN thì công tác lập dự toán còn chưa cân đối. Nghĩa là, một số NNT có số thu vượt dự toán trong khi lại có những NNT có số thu chưa đạt dự toán.

1.2.2.2. Hạn chế trong công tác thu thuế TNDN

(a) Đăng ký thuế

Doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập nhưng không treo bảng hiệu, địa chỉ vì cơ quan thuế cũng như cơ quan đăng ký kinh doanh chưa kiểm soát được. Vì vậy, sau khi thành lập, Chi cục thuế thường không liên lạc được với NNT gây khó khăn cho công tác quản lý thuế.

Số lượng hợp tác xã giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế không khớp. Do cơ chế truyền thông tin chỉ mới được thực hiện từ năm 2021 nên những HTX thành lập từ năm 2021 trở về trước chỉ đăng ký kinh doanh nhưng không đăng ký thuế.

Một số doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập ra không nhằm mục đích kinh doanh.

(b) Kê khai và nộp hồ sơ khai thuế

Các đơn vị hành chính sự nghiệp có hoạt động kinh doanh chỉ thực hiện đăng ký thuế nhưng không thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế hoặc chỉ kê khai thuế qua kết luận của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

Sự ù lỳ và thiếu ý thức chấp hành pháp luật thuế TNDN của NNT cũng là một trong những tồn tại trong công tác kê khai thuế của Chi cục.

(c) Miễn, giảm tiền thuế

Một số trường hợp NNT khai man, xác định sai đối tượng được miễn, giảm, xác định sai số thuế được miễn, giảm để giảm số thuế TNDN phải nộp.

Vì số tiền được miễn, giảm thuế do NNT tự xác định và chưa được Chi cục kiểm tra và thẩm định hồ sơ nên những trường hợp khai sai, khai không đúng đối tượng miễn, giảm, xác định sai số thuế được miễn, giảm chỉ được phát hiện qua công tác kiểm tra thuế. Các trường hợp sai phạm vẫn được phát hiện nhưng chưa kịp thời, số thuế TNDN truy thu qua các cuộc kiểm tra thuế khá cao.

(d) Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Chi cục vẫn có trường hợp cưỡng chế nợ thuế, một số khoản nợ thuế phải đưa vào nợ khó thu và khoanh nợ. Công tác cưỡng chế nợ thuế chỉ sử dụng được các biện pháp trích tiền từ tài khoản ngân hàng, cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà chưa triển khai hết tất cả các biện pháp khác theo quy trình như biện pháp kê biên tài sản, trích tiền từ tài khoản cá nhân khác đang nắm giữ.

Đối với những hồ sơ gia hạn không tính tiền chậm nộp tiền thuế TNDN, Chi cục vẫn chưa quản lý, kiểm soát chặt chẽ về công tác này.

1.2.2.3. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về thuế TNDN

Công tác kiểm tra thuế chỉ tập trung vào kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị hành chính sự nghiệp theo phương pháp kê khai doanh thu – chi phí.

Bộ tiêu chí phân tích rủi ro trong ứng dụng chưa cụ thể với đặc điểm về địa bàn quản lý và NNT tại Chi cục.

Hành vi gian lận và “lách” thuế của NNT ngày càng tinh vi và đa dạng, sai phạm có tổ chức, đòi hỏi sự chuyên nghiệp của công chức kiểm tra thuế ngày càng cao. Bên cạnh đó còn có sự buông lỏng của các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý thuế.

1.2.3. Nguyên nhân của hạn chế

Ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT chưa cao. Hành vi gian lận của NNT ngày càng tinh vi.

Biên chế tại Chi cục hiện còn đang thiếu.

Hệ thống chính sách thuế TNDN thường đa dạng và thường xuyên được sửa đổi, bổ sung cũng là một thách thức lớn mà Chi cục phải đối mặt.

Khó khăn về địa bàn quản lý, Phước Sơn và Nam Giang là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hơn nữa khoảng cách địa lý giữa Phước Sơn và Nam Giang khá xa dẫn đến công tác quản lý từng đối tượng NNT quá rộng và khó khăn trong việc tiếp cận hướng dẫn NNT.

Sự quản lý còn lỏng lẻo, chưa kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan ban ngành địa phương dẫn đến chưa khai thác triệt để các nguồn thu về thuế TNDN. Một số nguồn thu thiếu sự phối hợp của các cơ quan chức năng tại địa phương dẫn đến cơ quan thuế thiếu thông tin gây khó khăn cho công tác quản lý thuế.

Chi cục chưa thực hiện hết các biện pháp cưỡng chế như kê biên tài sản, trích tiền từ tài khoản bên khác đang nắm giữ vì thực tế Chi cục gặp những khó khăn về quy định và thủ tục chưa rõ ràng, thời gian thực hiện lâu, kinh phí bỏ ra rất lớn; một số cơ quan liên quan không phối hợp cung cấp thông tin.

CHƯƠNG 2:
ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ
THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC PHƯỚC SƠN –
NAM GIANG

2.1. Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp được đưa ra nhằm mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế tại Chi cục Thuế để nâng cao chất lượng công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng. Tuy nhiên trong công tác quản lý thuế TNDN rất nhiều công đoạn từ nhiều bộ phận, phòng ban. Vì thế để hoàn thiện công tác này phải có sự phối hợp của các bộ phận trong Chi cục. Giải pháp đưa ra nhằm các mục tiêu sau:

- Tiếp tục kế thừa những mặt đã làm được trong công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục, hoàn thành tất cả các mặt công tác.

- Khắc phục được những hạn chế còn tồn đọng trong công tác quản lý thuế TNDN từ việc phân tích, đánh giá những thực trạng đã đưa ra.

- Công tác quản lý thuế minh bạch, chuyên nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí cho NNT.

- Mục tiêu cao hơn nữa là giải pháp được xem như một sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng tại Chi cục.

2.2. Cơ sở lý thuyết của giải pháp

Những giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN phải dựa trên các cơ sở lý thuyết và cơ sở pháp lý. Giải pháp được đưa ra phải áp dụng đúng theo các văn bản pháp lý ngành Thuế đang áp dụng liên quan đến Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội, nội dung thực hiện giải pháp chi liên quan đến các nhóm NNT chịu thuế TNDN theo luật thuế TNDN số

14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc hội và các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện.

Liên quan đến từng khâu trong công tác quản lý thuế, Chi cục thực hiện theo quy trình của Tổng cục Thuế ban hành. Vì vậy, nội dung của giải pháp phải đảm bảo đúng quy trình đang được áp dụng.

2.3. Nội dung giải pháp

Để hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN, Chi cục phải hoàn thiện từng khâu trong công tác quản lý thuế TNDN, cụ thể: khâu lập dự toán; khâu thu thuế; khâu kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Trong đề án, tác giả tập trung đưa ra giải pháp đối với những hạn chế xuất phát từ Chi cục.

2.3.1. Hoàn thiện công tác lập dự toán

Bước thứ nhất: Thống kê số lượng NNT cần đưa vào lập dự toán để bảo đảm không bỏ sót nguồn thu.

Bước thứ hai: Dự toán số thu tương ứng với số lượng NNT đã thống kê tại bước thứ nhất.

2.3.2. Hoàn thiện khâu thu thuế TNDN

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ chính sách thuế cho NNT, nâng cao ý thức của NNT trong việc chấp hành chính sách pháp luật thuế. Tuyên truyền cần đúng nội dung, tuyên truyền đúng thông tin NNT cần, ngoài việc tuyên truyền những nội dung mới về chính sách thuế. Vì vậy, trước khi thực hiện công tác tuyên truyền cần khảo sát NNT bằng việc phát phiếu đánh giá khảo sát về các nội dung NNT chưa hiểu, các chính sách NNT chưa nắm rõ. Mẫu phiếu khảo sát như sau:

Lồng ghép thưởng và phạt NNT trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ chính sách thuế nhằm ghi nhận và tôn vinh NNT thực hiện tốt

chính sách thuế, đề cao vai trò của NNT, giúp NNT xác định rõ được vị trí, tầm quan trọng và trách nhiệm của mình trong công tác thuế. Ngoài bộ phận tuyên truyền, hỗ trợ chính sách thuế thực hiện chức năng chính thì công tác tuyên truyền, hỗ trợ chính sách thuế được giao nhiệm vụ đến tất cả các công chức trong chi cục thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn nội dung do mình quản lý.

Định kỳ hàng tháng hoặc quý, cơ quan thuế lập danh sách hợp tác xã đăng ký thuế (nhận được từ cơ quan đăng ký kinh doanh) để đối chiếu với danh sách đăng ký cấp giấy chứng nhận kinh doanh mà cơ quan đăng ký kinh doanh theo dõi. Trường hợp có sai lệch giữa số lượng của hai cơ quan thì tiến hành xử lý, nắm rõ công tác giao quyền tự chủ tại các đơn vị hành chính sự nghiệp có hoạt động kinh doanh, từ đó đưa vào quản lý thuế, tạo nghĩa vụ kê khai, kê khai và nộp hồ sơ khai thuế.

Khi có doanh nghiệp mới hoạt động thì bộ phận đăng ký thuế phối hợp bộ phận kiểm tra thuế thực hiện xác minh địa chỉ NNT để hạn chế việc thành lập các doanh nghiệp ma, NNT thành lập không vì mục đích kinh doanh.

Sau khi NNT nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN hoặc nộp hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh, công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế phải kịp thời, bộ phận kiểm tra thuế và bộ phận kê khai – kế toán – tin học phải phối hợp thực hiện kiểm tra.

Định kỳ hàng tháng, Chi cục thuế gửi văn bản phối hợp với Ủy ban Nhân dân huyện, phòng Tài chính kế hoạch huyện, Chủ đầu tư để cung cấp tiến độ giải ngân vốn ngân sách Nhà nước các công trình đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng NSNN trên địa bàn huyện để đôn đốc các khoản nợ được gia hạn không tính tiền chậm nộp.

Tập trung nguồn lực để triển khai các công tác cưỡng chế nợ thuế một cách đồng đều, khai thác các nguồn thông tin để áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ có hiệu quả.

2.3.3. Hoàn thiện khâu kiểm tra thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế

Chủ trương phối hợp giữa bộ phận kê khai thuế và bộ phận kiểm tra thuế, vì đây là khâu đầu và khâu cuối trong việc kiểm tra hồ sơ khai thuế của NNT. Hồ sơ khai thuế của NNT phải chắc chắn đảm bảo đủ thủ tục, đảm bảo tính đầy đủ thì mới chuyển qua bộ phận kiểm tra thuế tiến hành phân tích các bước tiếp theo.

Tập trung vào công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT trong công tác kê khai thuế TNDN, chính sách ưu đãi thuế, miễn giảm thuế để NNT tự xác định và kê khai đúng vì đây là đặc thù về thuế TNDN của NNT tại địa bàn. Tuyên truyền các mức xử phạt đối với hành vi khai sai, trốn thuế theo Nghị định 125/2020/NĐ-CP để NNT tự ý thức chấn chỉnh hành vi của mình.

Tập trung đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề nằm trong chuyên đề kiểm tra theo văn bản chỉ đạo của cấp trên, kiểm tra các doanh nghiệp có giao dịch chuyển giá, giao dịch liên kết để tối ưu hóa chi phí thuế TNDN.

Chạy phân tích rủi ro để lập kế hoạch kiểm tra NNT theo tiêu chí phù hợp với đặc điểm địa bàn, NNT chi cục đang quản lý. Trong bộ tiêu chí rủi ro do Tổng cục Thuế ban hành, bên cạnh những tiêu chí bắt buộc được áp dụng cho tất cả các cơ quan thuế, thì cũng có những tiêu chí gợi ý (không bắt buộc). Khi chạy phân tích TPR sẽ cho điểm rủi ro từ cao đến thấp. Công chức thuế có thể tăng giảm trọng số điểm đối với các tiêu chí gợi ý này. Nghĩa là rủi ro nào mà NNT có thì gán trọng số điểm, còn nếu rủi ro nào NNT không có thì

không gán trọng số. Ví dụ, tại địa bàn Nam Giang và Phước Sơn thì NNT có đặc điểm là được hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN nhưng không có NNT có thuế tiêu thụ đặc biệt, công chức thuế cần gán trọng số cho tiêu chí rủi ro về ưu đãi thuế TNDN và không gán trọng số cho tiêu chí về thuế tiêu thụ đặc biệt.

Vận dụng các kỹ năng, ứng dụng ngành thuế để nâng cao chất lượng trong công tác kiểm tra thuế. Công chức bộ phận kiểm tra thuế tiến hành kiểm tra hồ sơ khai thuế theo đúng quy trình, sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện phân tích hồ sơ khai thuế. Đối với các hồ sơ khai thuế xác định miễn, giảm thuế được hưởng ưu đãi tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo luật đầu tư, công chức phải xác định hoạt động kinh doanh có xảy ra tại địa bàn hưởng ưu đãi hay không?

2.4. Triển khai giải pháp

2.4.1. Lộ trình, tiến độ phân công cụ thể

Công tác quản lý thuế là chức năng của Chi cục Thuế, vì vậy công tác này phải được thực hiện thường xuyên và phối hợp lẫn nhau, kế hoạch triển khai được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.1: Kế hoạch thực hiện giải pháp

Công việc	Bộ phận	Thời gian
Lập dự toán	Bộ phận nghiệp vụ - dự toán – pháp chế chủ đạo thực hiện, bộ phận kiểm tra thuế, đăng ký thuế phối hợp	Từ tháng 5-8
Khâu thu thuế TNDN	Bộ phận tuyên truyền – hỗ trợ chính sách thuế; bộ	Thường xuyên

	phận kê khai – kế toán – tin học; bộ phận trước bạ - thu khác; bộ phận nhân sự - tài vụ - ấn chỉ; bộ phận nghiệp vụ - dự toán – pháp chế; bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.	
Khâu kiểm tra thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế	Bộ phận kiểm tra thuế	Thường xuyên

2.4.2. Phân công trách nhiệm và nguồn lực

2.4.2.1. Phân công trách nhiệm

Chi cục trưởng họp ban lãnh đạo Chi cục để đưa ra kế hoạch và chiến lược chung cho cả Chi cục, Chi cục Trưởng chịu trách nhiệm. Những chiến lược được đưa ra dựa trên sự tham mưu và đưa ra giải pháp từ các đội, các bộ phận chức năng khi thực hiện. Trước hết đội trưởng sẽ đánh giá thực trạng của từng công tác quản lý thuế do đội mình phụ trách thông qua công tác báo cáo của công chức trong đội. Từ thực trạng, đưa ra được những giải pháp thông qua những góp ý, đề xuất. Trong trường hợp cần xin ý kiến của cấp trên đối với giải pháp của bộ phận nào thì bộ phận đó tham mưu cho Chi cục Trưởng xin ý kiến từ cấp trên.

Đội trưởng các đội thuế thực hiện triển khai kế hoạch và chiến lược được ban lãnh đạo thông qua và căn cứ vào đó để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện giải pháp tại đội mình quản lý. Sau đó, đội trưởng thông báo cho các bộ phận chức năng, công chức trong đội để thực hiện, cụ thể như sau:

- Đội trưởng đội Tổng hợp – Nghiệp vụ sẽ xây dựng các kế hoạch và phổ biến đến từng bộ phận, từng công chức thực hiện đối với các giải pháp về lĩnh vực tuyên truyền, hỗ trợ chính sách thuế; lĩnh vực về kế toán thuế - tin học phối hợp trong công tác đăng ký thuế với các cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Đội trưởng Đội kiểm tra thuế sẽ xây dựng các kế hoạch và phổ biến đến từng bộ phận, từng công chức thực hiện đối với các giải pháp về lĩnh vực kiểm tra thuế; phối hợp đội Tổng hợp – Nghiệp vụ thực hiện giải pháp về kê khai thuế, kiểm tra các hồ sơ khai thuế để phát hiện rủi ro.

Công chức thực hiện kế hoạch chi tiết công tác quản lý thuế do mình phụ trách theo các giải pháp được nêu ra dựa trên kế hoạch tổng quát của Chi cục. Nếu có phát sinh vướng mắc hoặc khó khăn, công chức thực hiện báo cáo về lãnh đạo đội để xin ý kiến chỉ đạo.

2.4.2.2. Nguồn lực và kinh phí

Nguồn lực

Toàn bộ lãnh đạo, công chức trong Chi cục, tại từng giai đoạn triển khai giải pháp thì nguồn lực được phân công thực hiện cụ thể.

Kinh phí

Kinh phí do Cục Thuế duyệt chi theo kế hoạch chi tiết được bộ phận tài vụ đề xuất, bao gồm:

- Kinh phí chi trả lương cho công chức thực hiện thêm giờ đối với các công tác như lập dự toán, tuyên truyền sẽ bằng số giờ làm thêm X đơn giá làm thêm theo quy định.

- Kinh phí trả lương cho biên chế để thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan ban ngành để thu thập thêm thông tin phục vụ

cho công tác lập dự toán, công tác đăng ký thuế, công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Số lượng biên chế ước tính cho công tác này là 2 người. Thực hiện chi lương theo quy định, quy chế.

2.4.3. Phân tích rủi ro và đề xuất giảm thiểu rủi ro

2.4.3.1. Phân tích rủi ro

Hiệu quả công tác phối hợp với các cơ quan ban ngành như ngân hàng thương mại, các cơ quan ban ngành tại địa phương trong công tác quản lý thuế không do cơ quan thuế quyết định mà còn phụ thuộc phần lớn vào các yếu tố khách quan bên ngoài như sự phản hồi phối hợp của các cơ quan khác, thông tin cơ quan khác nắm giữ hoặc thông tin cung cấp có đem lại hiệu quả trong công tác quản lý thuế.

Rủi ro về sự tuân thủ chính sách pháp luật thuế của NNT. NNT là đối tượng quản lý trong công tác quản lý thuế, NNT đa dạng bao gồm doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, hợp tác xã với nhiều ngành nghề, quy mô. Thực hiện tốt công tác quản lý thuế cần phải có sự phối hợp giữa cơ quan thuế và NNT. Trường hợp cơ quan thuế thực hiện tốt chức năng quản lý thuế của mình nhưng ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT không cao, cố tình gian lận, sai phạm thì hiệu quả đem lại trong công tác quản lý thuế cũng không cao. Hiệu quả của công tác quản lý thuế dựa vào phần lớn ý thức chấp hành của NNT vì NNT tự khai và tự chịu trách nhiệm đối với hồ sơ khai thuế.

NNT không trung thực khi báo cáo về tình trạng hoạt động cũng như các dự án kinh tế trong kế hoạch kinh doanh của mình, dẫn đến công tác dự toán số thu không chính xác.

Sự biến động của nền kinh tế cũng tác động đến giải pháp được đưa ra để hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN. Các tác

động bất ngờ của dịch bệnh, thảm họa thiên nhiên ảnh hưởng đến việc phân tích nguồn thu và dự toán nguồn thu trong tương lai.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và nổi lên của các hacker mạng máy tính đe dọa an ninh mạng mang đến rủi ro cho giải pháp xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, tập trung và đáp ứng 100% nhu cầu về thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu cho công tác quản lý thuế và chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế.

2.4.3.2. Đề xuất giảm thiểu rủi ro

Tập trung sao lưu dữ liệu để đề phòng có rủi ro về bảo mật hoặc dữ liệu bị mất không thể khôi phục được. Chi cục đã triển khai chỉ đạo của Tổng cục Thuế về việc tăng cường an toàn thông tin mạng ngành thuế như không được sử dụng các thiết bị lưu trữ kết nối như (USB, ổ cứng gắn ngoài) chỉ cài đặt các phần mềm an toàn, chỉ được sử dụng mạng nội bộ, phân quyền người sử dụng theo đúng chức năng trên các ứng dụng của ngành thuế.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ chính sách cần lồng ghép thưởng và phạt khi NNT chấp hành hoặc không chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế để giảm rủi ro khách quan về ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT.

Chấp nhận rủi ro về sự biến động của nền kinh tế do dịch bệnh, thảm họa thiên nhiên và rủi ro khi các cơ quan ban ngành thiếu sự phối hợp trong công tác quản lý thuế tại địa phương.

2.5. Kết quả và hiệu quả dự kiến

2.5.1. Trình bày kết quả dự kiến của giải pháp

Hoàn thiện được công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục, những giải pháp theo từng lĩnh vực công tác sẽ khắc phục được

những hạn chế được đưa ra và đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý thuế TNDN.

Công tác lập dự toán thuế TNDN sẽ khai thác thêm nguồn thu thuế TNDN từ đơn vị hành chính sự nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh. Dự toán thu thuế TNDN năm 2024 sẽ có đầy đủ 3 nhóm NNT là doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị hành chính sự nghiệp. Số dự toán lập sẽ được nâng lên và tập trung vào các doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề trọng điểm và có tốc độ tăng trưởng mạnh. Kết quả dự kiến của công tác lập dự toán có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hợp tác xã, đơn vị hành chính sự nghiệp chưa được quản lý thuế sẽ đưa vào đăng ký thuế và quản lý thuế theo quy định. Các trường hợp qua công tác phối hợp rà soát nếu ngừng kinh doanh thì cơ quan chức năng thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh.

Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở NNT kịp thời phát hiện ra những gian lận trong việc kê khai nghĩa vụ thuế TNDN của NNT. Kiểm tra hồ sơ khai thuế kịp thời, tất cả các hồ sơ khai thuế đều được kiểm tra và ngăn chặn được hành vi gian lận của NNT.

Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thực hiện kịp thời để thu hồi nợ đọng, áp dụng được các biện pháp cưỡng chế nợ thuế để thu nợ có hiệu quả. Đảm bảo tỷ lệ nợ dưới 5% so với tổng số thu NSNN. Công chức đôn đốc và thu được nợ kịp thời đối với những khoản nợ thuế gia hạn không tính tiền chậm nộp.

Bên cạnh đó, kết quả thực hiện được sẽ góp phần thực hiện chiến lược cải cách ngành thuế đến năm 2030 của Chính phủ đó là công tác quản lý thuế minh bạch, chuyên nghiệp, đầy mạnh ứng

dụng công nghệ thông tin, đơn giản thủ tục và giảm chi phí cho NNT.

2.5.2. Đánh giá hiệu quả, so sánh với mục tiêu đề ra

Từ những kết quả dự kiến, các giải pháp đưa ra sẽ có hiệu quả cao trong công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục. Hiệu quả của đề án so với mục tiêu đề ra:

Đề án trình bày thực trạng và đánh giá được thực trạng trong công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế dự kiến đạt 90% so với mục tiêu đề ra. Đề án đã tổng quát được thực trạng công tác quản lý thuế TNDN, chi tiết đến từng công tác quản lý thuế, đã chỉ ra được những mặt đạt được và những hạn chế trong công tác quản lý thuế, một số nguyên nhân dẫn đến hạn chế đó.

Đề án đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế dự kiến đạt được 75-85%. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong từng công tác quản lý thuế không chỉ xuất phát từ bên trong Chi cục Thuế mà còn từ nhân tố bên ngoài. Các giải pháp để hoàn thiện các yếu tố bên ngoài như sự phối hợp của NNT, cơ quan ban ngành khác, sự bắt cập của các cơ chế liên thông, trao đổi thông tin, sự bắt cập của chính sách thuế thì hiệu quả sẽ không cao. Tác giả chỉ đưa ra giải pháp áp dụng tại Chi cục và phần lớn là giải pháp xuất phát từ những nguyên nhân tại Chi cục. Những giải pháp từ các nhân tố bên ngoài thì tác giả chưa thể thực hiện được cũng như ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp ứng dụng ngành để phục vụ tốt hơn trong công tác quản lý thuế TNDN và đó có thể là hướng nghiên cứu tiếp theo của đề án.

Khi nói đến công tác quản lý thuế thì phải nói đến sự phối hợp của nhiều yếu tố trong đó có yếu tố về NNT, cơ quan thuế, tình hình khách quan bên ngoài. Nếu cơ quan thuế thực hiện đúng và đầy

đủ các giải pháp nêu trên nhưng ý thức của NNT kém hoặc các tác động từ môi trường kinh tế bên ngoài cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quản lý thuế TNDN.

KẾT LUẬN

Chống thất thu thuế là một trong những nhiệm vụ cấp bách từ trước đến nay. Đây không phải chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành Thuế mà còn là nhiệm vụ chính trị của nước ta. Đi cùng với sự phát triển của xã hội thì ngành Thuế cũng đã có những bước tiến trong công tác cải cách hệ thống ngành Thuế để đưa ra những biện pháp chống thất thu thuế hiệu quả. Cải cách hệ thống ngành thuế phải xuất phát từ nội lực bên trong và cả tác nhân bên ngoài. Có thể thấy, ngành Thuế đã có những bước hiện đại hóa công tác quản lý thuế bằng việc đổi mới nhiều quy trình nghiệp vụ quản lý thuế, tham mưu sửa đổi bổ sung các văn bản chính sách pháp luật về thuế.

Thuế TNDN là một trong những sắc thuế khó kiểm soát và quản lý, bởi lẽ căn cứ để xác định lợi nhuận tính thuế TNDN được tính bằng doanh thu – chi phí. Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN rất khó để xác định được và đối với mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thì chi phí này không giống nhau. Chi phí bỏ ra bằng tiền của doanh nghiệp không chỉ phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh, có những chi phí không phát sinh thực tế, có những công ty hoạch định thuế để tính đến lợi ích về thuế trong tương lai. Doanh thu kê khai giảm, bán hàng không ghi nhận doanh. Hơn nữa, các doanh nghiệp luôn tìm cách tối đa hóa chi phí. Vì thế, để xác định tính chính xác về doanh thu và chi phí gây không ít khó khăn cho các cơ quan thuế.

Đề án cũng đã nêu lên được thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế khu vực Phước Sơn – Nam Giang, từ các công tác lập dự toán, công tác thu thuế, quản lý nợ thuế và kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính thuế. Mỗi một công tác quản lý thuế đều có những mặt đạt được và những tồn tại. Từ những tồn tại đó, tác giả

cũng đã nêu lên được một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác quản lý thuế TNDN tại đơn vị. Đề án còn nhiều hạn chế, khả năng tìm hiểu chưa sâu không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của các Thầy, Cô để đề án hoàn thiện và áp dụng vào thực tiễn hiệu quả hơn.